

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 5- 2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Hoàng Duyên

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1982

Địa chỉ: 421 khu phố PK, phường VH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: H23 PVT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông TRAN B, sinh năm 1980

Địa chỉ: 49 Longland Street, Cleveland QLD 4163, Australia.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Năm 2011, bà quen ông Tran B, sau 03 năm tìm hiểu ông bà có tình cảm với nhau nên quyết định tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 09/3/2018. Sau khi kết hôn ông bà sống chung ở Việt Nam được 01 tháng thì ông Tran B trở về Úc. Từ tháng 7/2019 ông bà đã sống ly thân, ông Tran B không có ý định bảo lãnh bà qua Úc đoàn tụ, bà T đã nhiều lần điện thoại ông Tran B nhưng không nhận được phản hồi, không còn quan tâm đến bà T.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tran B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Tran B*: Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông Tran B về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng T và thời gian giải quyết vụ án. Đến khi xét xử sơ thẩm, ông Tran B không có ý kiến và vắng mặt tố tụng tại Tòa không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T với bị đơn ông Tran B.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Tran B vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T:

Xét thấy bà Lê Thị Hồng T và ông Tran B tìm hiểu quen biết nhau, hai bên có tình cảm và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 09/3/2019. Do đó hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng T và ông Tran B là hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn: Bà T xác định sau khi kết hôn, ông bà sống chung khoảng 01 tháng, sau đó ông Tran B trở về Úc làm việc. Từ tháng 7/2019 vợ ông bà đã sống ly thân, ông Tran B không có ý định bảo lãnh bà qua Úc đoàn tụ, bà T đã nhiều lần điện thoại cho ông nhưng không nhận được phản hồi, không quan tâm chia sẻ cuộc sống với bà. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Tran B.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ và ông Tran B đã nhận được thông báo của của Tòa án, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông Tran B vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Tuy nhiên, bà T có cung cấp Giấy ưng thuận ly hôn của ông Tran B có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Úc do ông Tran B gửi từ Australia về Việt Nam cho bà T trước thời gian bà T nộp đơn ly hôn tại Tòa án.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Hồng T và ông Tran B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng T với ông Tran B.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung Bà T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0009849 ngày 15/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[5] Lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0032706 ngày 19/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Lê Thị Hồng T phải nộp 523,9 đô la Úc theo thông báo số 328/BTP-PLQT ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp. Bà T đã nộp tạm ứng 3.000.000đ (Ba triệu đồng), sẽ được khấu trừ khi nộp thêm số tiền phí ủy thác tư pháp còn lại theo thông báo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 8 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T về việc yêu cầu ly hôn với ông Tran B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông Tran B.
2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0009849 ngày 15/8/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Hồng T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số ứng lệ phí số 0032706 ngày 19/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Lê Thị Hồng T phải nộp 523,9 đô la Úc theo thông báo số 328/BTP-PLQT ngày 28/2/2023 của Bộ Tư pháp. Khấu trừ số tiền bà T đã nộp tạm ứng 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0001956 ngày 19/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Bà T phải nộp thêm số tiền phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài còn lại theo thông báo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Tran B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương